

HOSE 21/07/2014

VNINDEX 601.04 4.78 0.80%

KLGD 111,554,600 CP
GTGD 1,988.61 Tỷ
GTR NDTNN 12.27 Tỷ

CP Tăng giá 79 CP
CP Giảm giá 155 CP
CP Đứng giá 70 CP



HNX 21/7/2014

HNXINDEX 80.67 -0.47 -0.58%

KLGD 58,125,095 CP
GTGD 696.87 Tỷ
GTR NDTNN 27.90 Tỷ

CP Tăng giá 58 CP
CP Giảm giá 110 CP
CP Đứng giá 211 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 645.33 -0.19 -0.03%
HNX30 164.04 -1.64 -0.99%

Tâm điểm

- ▶ **VN-Index tăng vượt 600 điểm, cổ phiếu vốn hóa lớn dẫn dắt thị trường**
- ▶ **Thanh khoản tăng trên cả hai sàn**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 2,291 tỷ đồng.
- ▶ **CPI Hà Nội tháng 7/2014 tăng 0.18% so với tháng trước**
Trong đó, có 10 nhóm hàng tăng và 01 nhóm hàng giữ nguyên bằng tháng trước
Trí Thức Trẻ
- ▶ **Nhập siêu 200 triệu USD nửa đầu tháng 7**
Tính đến hết 15/7, cán cân thương mại thặng dư 1.46 tỷ USD
DVO
- ▶ **ADB hạ dự báo tăng trưởng ở Đông Nam Á do tình hình chính trị**
ADB hạ dự báo tăng trưởng ở khu vực Đông Nam Á từ mức 5% xuống còn 4.7%
Vietnamplus
- ▶ **LAS: 6 tháng, lãi hợp nhất gần 210 tỷ đồng**
Lợi nhuận sau thuế của LAS giảm 22.07% so với cùng kỳ năm trước
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **DRC: Quý 2/2014 LNST giảm 10.4% so với cùng kỳ**
Kết thúc nửa đầu năm 2014 DRC đã hoàn thành được 56% kế hoạch năm
Trí Thức Trẻ/HSX

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,059,493	14.4	3.2	21.1%	11.2%
HNX	131,516	17.1	1.6	7.7%	4.1%
Toàn bộ thị trường	1,191,009	16.3	3.1	19.8%	10.5%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,948	5.9	0.9	15.3%	10.4%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,428	6.9	1.5	20.9%	15.3%	
Thép và sản phẩm thép	39,554	21.4	2.0	18.5%	7.9%	
Khai khoáng	12,359	57.8	5.1	1.8%	1.1%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,765	18.5	1.4	11.4%	8.1%	
Xây dựng	30,437	-	53.4	1.1	-3.9%	1.5%
Máy công nghiệp	8,587	6.6	1.4	21.4%	14.8%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,285	14.0	1.4	15.1%	11.4%	
Lốp xe	8,360	10.2	2.7	28.2%	12.2%	
Nuôi trồng nông & hải sản	15,937	9.8	1.3	14.4%	6.4%	
Thực phẩm	205,852	23.6	5.0	22.1%	17.1%	
Dược phẩm	15,825	12.1	3.1	26.0%	16.7%	
Phần mềm	18,344	11.3	1.9	22.2%	9.6%	
Sản xuất & phân phối điện	21,909	-	5.5	1.3	-6.4%	3.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	214,918	18.0	5.7	32.9%	22.1%	
Bảo hiểm nhân thọ	28,988	23.5	2.3	10.0%	2.3%	
Môi giới chứng khoán	26,299	14.7	1.4	8.1%	6.1%	
Ngân hàng	246,485	11.1	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản	139,503	12.0	2.6	27.7%	6.9%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	41,872	11.0	2.1	20.4%	8.3%	

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

CPI Hà Nội tháng 7/2014 tăng 0.18% so với tháng trước

Cục Thống kê thành phố Hà Nội công bố chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2014 của thành phố. Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng tháng 07/2014 tăng 0.18% so tháng trước. Trong đó, có 10 nhóm hàng tăng và 01 nhóm hàng giữ nguyên bằng tháng trước. 3 nhóm hàng chính làm chỉ số giá tháng này tăng là nhóm đồ uống và thuốc lá (tăng 0.55%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt, vật liệu xây dựng (tăng 0.53%); nhóm giao thông (tăng 0.51%). Chỉ số giá vàng tăng 1.97% so tháng trước và giảm 2.51% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0.56% so tháng trước và tăng 0.76% so cùng kỳ.

Nhập siêu 200 triệu USD nửa đầu tháng 7

Theo số liệu Hải quan, từ ngày 1 đến 15/7, tổng giá trị xuất khẩu đạt 5.82 tỷ USD, giảm 11.2% so với nửa sau của tháng 6. Lũy kế từ đầu năm kim ngạch xuất khẩu đạt 76.75 tỷ USD, tăng 14.7% so với cùng kỳ năm trước. Hàng dệt, may là mặt hàng duy nhất có giá trị xuất khẩu vượt 1 tỷ USD trong nửa đầu tháng 7. Nhập khẩu nửa đầu tháng 7 cũng giảm 6.9% so với kỳ trước xuống 6.02 tỷ USD. Tính từ đầu năm tới hết nửa đầu tháng 7, kim ngạch nhập khẩu đạt 75.28 tỷ đồng. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác là nhóm hàng hóa có giá trị nhập khẩu cao nhất trong kỳ. Như vậy, cán cân thương mại nửa đầu tháng 7 thâm hụt 200 triệu USD. Tính đến hết 15/7, cán cân thương mại thặng dư 1.46 tỷ USD.

ADB hạ dự báo tăng trưởng ở Đông Nam Á do tình hình chính trị

Trong báo cáo triển vọng kinh tế 2014 công bố ngày 18/7, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) chỉ rõ những biến động chính trị tại một số nước Đông Nam Á như khủng hoảng chính trị tại Thái Lan, căng thẳng trên Biển Đông và những tranh cãi xung quanh cuộc bầu cử tổng thống tại Indonesia là những yếu tố khiến ADB hạ dự báo tăng trưởng ở khu vực Đông Nam Á, từ mức 5% xuống còn 4.7%. Mặc dù vậy, đối với toàn khu vực châu Á, ADB vẫn dự nguyên mức dự báo tăng trưởng 6.2% trong năm nay và 6.4% của năm 2015, đồng thời nhận định triển vọng tăng trưởng tại châu lục gồm 45 quốc gia này vẫn duy trì ổn định.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

LAS: 6 tháng, lãi hợp nhất gần 210 tỷ đồng

CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2014. Theo đó, LAS đạt hơn 1,354 tỷ đồng doanh thu, tăng 7.3% so với cùng kỳ năm ngoái và lợi nhuận sau thuế 59.24 tỷ đồng, giảm 50.77% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu Công ty đạt 3,179.54 tỷ đồng, tăng 1.43% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế 209.56 tỷ đồng, giảm 22.07% cùng kỳ. Với kết quả này, LAS đã thực hiện 51% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Giải trình nguyên nhân khiến lợi nhuận quý 2/2014 giảm mạnh so với quý 2/2013, theo LAS là do công tác tiêu thụ sản phẩm và các khoản chi phí.

DRC: Quý 2/2014 LNST giảm 10.4% so với cùng kỳ

CTCP Cao su Đà Nẵng (HOSE: DRC) vừa công bố BCTC quý 2/2014. Cụ thể, riêng quý 2/2014 doanh thu thuần tăng 12.64% so với cùng kỳ đạt 867.64 tỷ đồng, mức tăng trưởng của lợi nhuận gộp chỉ đạt gần 3% do tỷ trọng giá vốn hàng bán trong doanh thu thuần ở mức cao hơn cùng kỳ. Trong kỳ đáng chú ý chi phí lãi vay tăng đột biến gấp hơn 20 lần cùng kỳ khiến chi phí tài chính đội lên gần 43 tỷ đồng và là nguyên nhân chính khiến LNST của công ty sụt giảm 10.44% so với cùng kỳ còn hơn 99 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014 doanh thu thuần tăng 12% so với cùng kỳ đạt 1,545.6 tỷ đồng, LNST đạt 184.86 tỷ đồng giảm nhẹ 2% so với 6 tháng đầu năm 2013. Với mục tiêu lãi trước thuế 425 tỷ đồng trong năm 2014, kết thúc nửa đầu năm 2014 DRC đã hoàn thành được 56% mục tiêu.

DXG: Lãi ròng quý 2 công ty mẹ hơn 13 tỷ đồng

Theo BCTC Công ty mẹ quý 2/2104 của Tập đoàn Đất Xanh (HOSE: DXG), doanh thu thuần đạt 31.3 tỷ đồng, cao gần gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu từ dịch vụ và môi giới bất động sản chiếm tỷ trọng 94% trong cơ cấu doanh thu, đạt 29.27 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng trong quý 2 chỉ hơn 2 tỷ đồng nhưng lại không hiệu quả khi giá vốn trong hoạt động chuyển nhượng lên đến 2.9 tỷ đồng. Trong kỳ, lãi tiền gửi và cho vay mang về 4.6 tỷ đồng cho DXG trong khi chi phí tài chính tiếp tục là con số 0. Trừ đi các chi phí phát sinh, DXG lãi ròng hơn 13 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ.

HOSE 21/07/2014 VNINDEX 601.04 4.78 0.80% 111,554,600 CP 1,988.61 bil VND

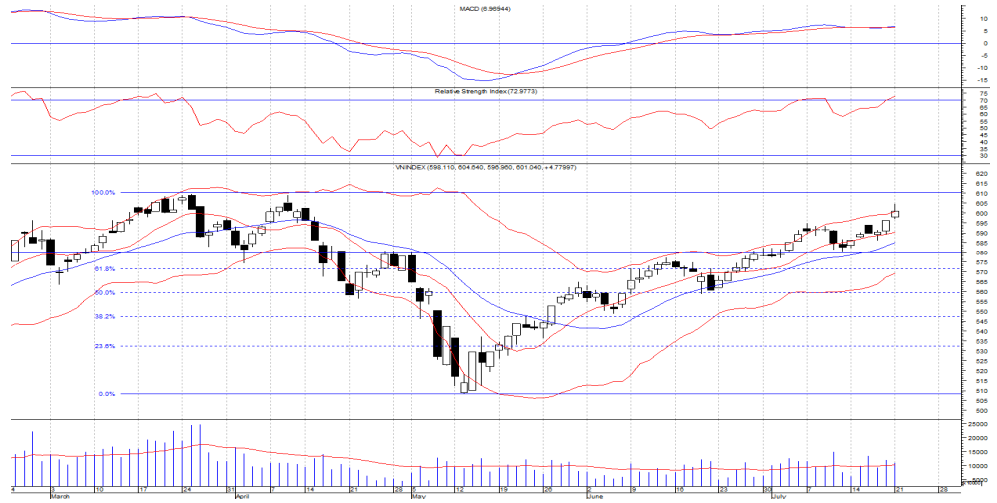
VNIndex tăng vượt 600 điểm nhờ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn

VN-Index tăng 4.78 điểm lên 601.04 điểm. Một cây nến trắng được hình thành và bám sát dải Bollinger band trên đi lên.

- MACD có tín hiệu bút lên từ đường tín hiệu của nó cho thấy khả năng thị trường còn tiếp tục tăng điểm.

- RSI (14) tăng lên 72.9 điểm cho thấy lực tăng mạnh và thị trường đã đi vào vùng quá mua.

- Thị trường đang tiến lên vùng kháng cự 610 điểm, khả năng thị trường sẽ có điều chỉnh khi tiếp cận vùng kháng cự này. Lúc này việc mua đuổi giá cao là khá rủi ro.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.7 (-5.3%)	13,250,760
HQC	0 (0.0%)	8,497,880
SSI	0 (0.0%)	4,048,960
ITA	-0.2 (-2.4%)	3,890,370
SAM	-0.4 (-3.9%)	3,663,730

HOSE Top 5 theo % tăng

KAC	0.7 (7.0%)	10
PIT	0.6 (7.0%)	39,090
TYA	0.5 (6.8%)	131,290
HAX	0.4 (6.5%)	500
HLA	0.2 (6.5%)	350,630

HOSE Top 5 theo % giảm

VPK	-1.7 (-6.9%)	70,940
TMS	-2.3 (-6.9%)	6,470
HAI	-1.5 (-6.7%)	10
DCT	-0.2 (-6.5%)	157,350
THG	-0.7 (-6.4%)	130

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	15,7 tỷ	171,520
PPC	13,0 tỷ	545,490
MWG	9,6 tỷ	87,330
NLG	9,0 tỷ	470,000
HT1	8,4 tỷ	543,950

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-35,6 tỷ	503,230
GAS	-14,7 tỷ	132,100
HPG	-7,6 tỷ	129,250
MSN	-7,4 tỷ	80,210
VSH	-1,9 tỷ	126,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,186,730	12.27

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index tăng cả phiên nhờ lực tăng mạnh ở cổ phiếu vốn hóa lớn, áp lực bán ra ở những cổ phiếu vừa và nhỏ là khá mạnh.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao đạt 109 triệu cổ phiếu cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây, cho thấy dòng tiền vẫn khá tích cực.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 12 tỷ đồng, khi mua vào 176 tỷ đồng và bán ra 164 tỷ đồng. Những CP được mua mạnh là PPC, PVD, GAS trong khi họ bán ra mạnh VIC, MSN,
- ▶ VNINDEX đang hướng lên vùng đỉnh 610 điểm, tuy vậy việc mua đuổi giá cao là khá rủi ro.
- ▶ NĐT ngắn hạn xem xét canh bán chốt lời nếu thị trường tăng lên vùng đỉnh, chờ mua lại ở vùng giá thấp hơn.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	113.0	214,135.00	18.5	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	139.0	115,847.30	17.4	5.9	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.2	69,823.53	15.9	1.4	10.4%	1.0%
MSN	734.9	92.0	67,611.84	206.1	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	70.5	63,043.95	8.4	4.2	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.5	28,920.04	23.5	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	57.5	27,709.72	11.8	2.4	25.0%	10.7%
PVD	275.3	91.5	25,186.12	11.4	2.4	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

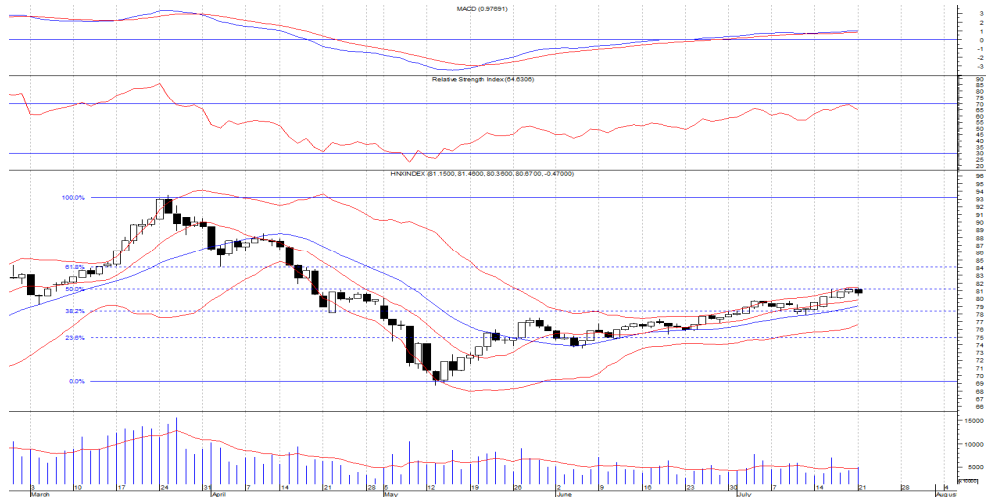
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.5	3,454.11	14.4	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	51.0	17,538.61	11.2	1.9	NA	TH.DOI
CII	112.9	22.2	2,505.53	17.6	1.6	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.5	3,297.19	8.7	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.5	698.63	5.1	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.1	527.35	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 21/07/2014 HNX-Index 80.67 -0.47 -0.58% 58,125,095 CP 696.87 bil. VND

HNX-Index giảm điểm nhưng vẫn nằm trên MA10 và MA20.

HNX-Index giảm 0.47 điểm xuống 81.67 điểm, các cổ phiếu vốn hóa lớn mang tính dẫn dắt như PVS, SHB, VCG không tích cực khiến thị trường giảm điểm.

- MACD vẫn đang trong vùng mua và đang hướng lên khá tích cực.
- RSI giảm xuống 64.6 điểm, động lực tăng vẫn chưa bị mất đi.
- Động lực tăng đã yếu đi nhưng xu thế tăng điểm của thị trường vẫn chưa kết thúc. Nhà đầu tư ngắn hạn chấp nhận rủi ro vẫn có thể mua ở vùng hỗ trợ MA10 và MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-2.2%)	6,477,980
KLS	-0.3 (-2.4%)	5,020,210
KLF	-0.4 (-3.4%)	4,232,640
SCR	-0.2 (-2.2%)	3,760,740
SHB	-0.1 (-1.1%)	2,679,040

HNX Top 5 theo % tăng

L18	1 (10.0%)	100
PVB	3.1 (10.0%)	458,300
SGH	4.8 (9.9%)	100
KTT	0.4 (9.8%)	400
LM3	0.3 (9.7%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

SEB	-3.5 (-10.0%)	3,000
SED	-2 (-10.0%)	22,200
ECI	-1.7 (-9.9%)	24,300
TH1	-2.3 (-9.8%)	100
HDA	-1.4 (-9.7%)	2,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	10,7 tỷ	311,300
VND	6,9 tỷ	411,700
DBC	1,9 tỷ	80,000
VCG	1,3 tỷ	92,200
SHB	0,9 tỷ	97,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

LAS	-2,9 tỷ	80,000
PLC	-0,7 tỷ	36,204
HTC	-0,4 tỷ	15,000
CTS	-0,3 tỷ	28,000
MAS	-0,2 tỷ	2,250

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,363,776	27.90

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index tăng khá tốt từ đầu phiên nhưng áp lực bán ra tăng lên khiến thị trường giảm dần về cuối phiên. Dòng tiền duy trì ở mức trung bình.
- ▶ Thanh khoản ở mức trung bình khi đạt 50 triệu cổ phiếu bằng mức trung bình 20 phiên gần đây.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với 3 tỷ đồng, đáng chú ý là khối ngoại bán ròng gần 44 tỷ đồng thỏa thuận VCS, trong khi mua ròng mạnh DBC, PVS, VCG, VND.
- ▶ Dù giảm điểm hôm nay nhưng HNX Index vẫn chưa mất đi động lực tăng. Dòng tiền có thể gia tăng khi thị trường giảm về vùng hỗ trợ.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua ở vùng hỗ trợ MA10 hoặc MA20 nếu thị trường điều chỉnh giảm.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	34.2	15,277.15	10.1	1.8	19.3%	6.2%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.5	1.1	6.1%	0.5%
SQC	110.0	80.0	8,800.00	271.4	6.7	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	14.4	6,360.63	14.2	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	36.3	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.8	4,463.20	16.0	0.8	4.6%	2.1%
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.0	1.7	23.8%	16.0%
LAS	77.8	35.7	2,778.60	6.4	2.0	33.5%	17.5%
VNR	131.1	20.2	2,647.73	7.6	0.8	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	32.0	1,216.00	8.0	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.3	382.14	7.4	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.6	1,609.15	11.5	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.0	1.7	NA	TH.DOI
PVC	50.0	22.2	1,110.00	13.3	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.4	310.27	6.1	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	13.73%	92.0	206.13	4.62	158,363	144,852	154,722
VIC	HOSE	894.2	63,043.95	13.68%	70.5	8.42	4.18	506,264	353,778	361,064
HPG	HOSE	481.9	27,709.72	13.62%	57.5	11.81	2.36	1,087,788	970,889	732,257
PVD	HOSE	275.3	25,186.12	9.64%	91.5	11.43	2.37	362,483	320,219	344,572
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	8.07%	25.4	15.02	1.38	2,622,284	2,483,324	2,720,542
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	7.65%	20.3	10.65	1.53	390,152	444,703	1,535,942
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	6.07%	26.2	15.85	1.38	285,054	409,045	549,941
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	5.32%	32.4	6.50	1.41	876,261	705,237	1,017,122
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	3.07%	8.1	104.97	0.76	5,142,699	5,306,213	5,337,346
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	2.45%	42.5	23.53	2.31	135,309	156,367	321,529
KBC	HOSE	389.8	4,326.34	2.33%	11.1	26.29	0.82	1,459,940	1,373,587	1,000,662
HSG	HOSE	96.3	4,295.56	2.28%	44.6	10.99	2.04	118,867	111,125	137,232
GMD	HOSE	114.4	3,947.55	1.97%	34.5	130.24	0.89	132,356	153,038	266,714
VSH	HOSE	206.2	3,134.87	1.58%	15.2	14.78	1.19	630,174	695,661	480,771
PPC	HOSE	318.2	7,667.53	1.47%	24.1	8.33	1.38	656,595	454,766	433,354
CSM	HOSE	67.3	3,028.14	1.45%	45.0	8.71	2.28	553,130	566,983	411,577
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	1.34%	54.0	12.26	3.20	286,462	326,073	224,491
HVG	HOSE	120.0	2,892.00	1.24%	24.1	15.08	1.25	482,932	416,914	548,161
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	14.40	1.10	1,404,052	1,491,111	1,007,341
DIG	HOSE	143.0	2,330.83	1.06%	16.3	44.31	1.00	146,763	177,465	233,403
OGC	HOSE	300.0	3,480.00	0.82%	11.6	52.09	1.10	1,337,971	1,382,276	1,652,460

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	7.67%	20.3	10.65	1.53	390,152	444,703	1,535,942
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	7.43%	92.0	206.13	4.62	158,363	144,852	154,722
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	7.31%	26.2	15.85	1.38	285,054	409,045	549,941
VIC	HOSE	894.2	63,043.95	6.29%	70.5	8.42	4.18	506,264	353,778	361,064
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	5.63%	32.4	6.50	1.41	876,261	705,237	1,017,122
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	5.63%	42.5	23.53	2.31	135,309	156,367	321,529
PVS	HNX	446.7	15,277.15	5.50%	34.2	10.11	1.80	2,777,310	2,815,944	2,074,828
PVD	HOSE	275.3	25,186.12	3.79%	91.5	11.43	2.37	362,483	320,219	344,572
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	3.48%	8.1	104.97	0.76	5,142,699	5,306,213	5,337,346
SHB	HNX	886.1	8,063.36	3.36%	9.1	10.09	0.77	7,364,068	7,734,561	6,610,741
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	3.27%	25.4	15.02	1.38	2,622,284	2,483,324	2,720,542
VCG	HNX	441.7	6,360.63	3.21%	14.4	14.15	1.13	1,020,234	1,160,304	1,613,379
OGC	HOSE	300.0	3,480.00	2.07%	11.6	52.09	1.10	1,337,971	1,382,276	1,652,460
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	1.52%	54.0	12.26	3.20	286,462	326,073	224,491
GMD	HOSE	114.4	3,947.55	1.49%	34.5	130.24	0.89	132,356	153,038	266,714
PPC	HOSE	318.2	7,667.53	1.32%	24.1	8.33	1.38	656,595	454,766	433,354
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	14.40	1.10	1,404,052	1,491,111	1,007,341
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 0.82	2.30	5,998,875	5,823,142	7,129,362

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	63,043.95	0.00%	70.5	8.42	4.18	506,264	353,778	361,064
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.00%	92.0	206.13	4.62	158,363	144,852	154,722
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.00%	32.4	6.50	1.41	876,261	705,237	1,017,122
HAG	HOSE	718.2	18,241.13	0.00%	25.4	15.02	1.38	2,622,284	2,483,324	2,720,542
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.00%	26.2	15.85	1.38	285,054	409,045	549,941
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.00%	20.3	10.65	1.53	390,152	444,703	1,535,942
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	0.00%	42.5	23.53	2.31	135,309	156,367	321,529
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.70	1.00	359,385	330,861	364,642
GAS	HOSE	1,895.0	214,135.00	0.00%	113.0	18.53	5.87	226,753	275,320	398,050

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.88%	92.0	206.13	4.62	158,363	144,852	154,722
VIC	HOSE	894.2	63,043.95	0.56%	70.5	8.42	4.18	506,264	353,778	361,064
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.31%	20.3	10.65	1.53	390,152	444,703	1,535,942
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.24%	26.2	15.85	1.38	285,054	409,045	549,941
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.15%	32.4	6.50	1.41	876,261	705,237	1,017,122
BVH	HOSE	680.5	28,920.04	0.08%	42.5	23.53	2.31	135,309	156,367	321,529

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,948	5.9	0.9	15.3%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,428	6.9	1.5	20.9%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,810	23.6	0.8	2.7%	1.6%
Sản xuất giấy	802	8.2	0.8	10.8%	5.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,554	21.4	2.0	18.5%	7.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,623	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	12,359	57.8	5.1	1.8%	1.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,765	18.5	1.4	11.4%	8.1%
Xây dựng	30,437	-	53.4	1.1	-3.9%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,165	7.5	1.2	17.6%	9.3%
Công nghiệp phức hợp	914	7.7	1.8	13.3%	9.5%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,660	10.1	1.0	8.1%	3.9%
Thiết bị điện	1,725	-	20.9	0.9	-0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	25.6	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,587	6.6	1.4	21.4%	14.8%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,817	-	2.9	0.9	3.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,285	14.0	1.4	15.1%	11.4%
Dịch vụ vận tải	6,413	9.0	1.3	18.2%	11.5%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,445	9.1	1.4	14.6%	6.6%
Đào tạo & Việc làm	209	9.9	0.7	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	188	8.7	0.8	10.3%	4.5%
Chất thải & Môi trường	157	2.4	0.7	34.8%	16.9%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,760	10.0	1.2	12.9%	7.4%
Lốp xe	8,360	10.2	2.7	28.2%	12.2%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	2,142	6.7	1.1	16.0%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	362	13.5	1.4	18.4%	11.2%
Đồ uống & giải khát	249	7.1	1.3	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,937	9.8	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	205,852	23.6	5.0	22.1%	17.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	54	43.0	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,168	8.3	1.0	12.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	156	8.7	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,129	8.6	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	-	1.1	0.5	-33.3%
Hàng cá nhân	4,852	9.8	1.6	16.9%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	703	-	8.5	1.1	1.0%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		909	16.3	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		138	3.4	1.5	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		170	8.1	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,825	12.1	3.1	26.0%	16.7%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		295	38.7	0.9	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		658	12.5	1.1	12.6%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,264	9.1	1.4	14.5%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,045	8.4	1.0	12.2%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,677	35.5	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,245	28.2	1.4	15.3%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,300	17.0	2.6	23.1%	19.5%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		600	23.8	0.8	3.2%	1.2%
Internet		370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm		18,344	11.3	1.9	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		437	15.6	0.8	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		262	5.1	0.9	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		8,735	21.5	1.1	32.2%	11.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,909	-	5.5	1.3	-6.4%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		214,918	18.0	5.7	32.9%	22.1%
Nước		1,192	6.5	1.0	16.6%	10.9%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,220	5.4	0.8	15.4%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,723	12.7	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,674	7.6	0.8	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		28,988	23.5	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,540	52.1	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		26,299	14.7	1.4	8.1%	6.1%
Ngân hàng						
Ngân hàng		246,485	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		139,503	12.0	2.6	27.7%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		41,872	11.0	2.1	20.4%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.